

Bản án số: 29/2019/HNGĐ- ST.

Ngày: 19/7/2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ.

Ngày 19/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST – HNGĐ ngày 04/4/2019 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXX - ST ngày 05/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N – Sinh năm 1976.(có mặt).

Địa chỉ: Đội 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Phạm Văn H – Sinh năm 1973.(xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đội 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ;

(Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 7, phân trại 3, trại giam Tân Lập, xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/4/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ, chị Nguyễn Thị N (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và anh Hoan lấy nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn(hiện nay là xã P), huyện Đ, tỉnh Đ. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hoan không làm ăn lương thiện, nghiện ma túy và mua bán trái phép chất ma túy đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 20 năm tù từ năm 2009, sau đó khi đang thi hành án anh Hoan lại vi phạm pháp luật và bị xử phạt thêm 10 năm tù, tổng cộng là 30 năm tù. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu rồi, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoan.

2. *Về con chung:* Chị Nhị khai vợ chồng có 02 con chung là: Phạm Thị T, sinh ngày 25/8/1995 và Phạm Quang H, sinh ngày 11/6/2002.

Chị Nhị có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh Hoan phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại cháu Trang đã có gia đình riêng, cuộc sống ổn định.

Tại bản tự khai của cháu Hải là nguyện vọng muốn được ở với mẹ và tại bản tự khai của anh Hoan cũng đồng ý cho chị Nhị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Phạm Văn H (bị đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân*: Tôi có vợ tên là Nguyễn Thị N. Hiện nay, tôi đang chấp hành án tại trại đội 7, phân trại 3, trại giam Tân Lập, xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Do tôi phải chấp hành án, nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và cô Nhị xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

2. *Về con chung*: Anh Hoan công nhận vợ chồng có 02 con chung: Tôi đồng ý để cô Nhị nuôi các cháu theo nguyện vọng của cô Nhị.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn H lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Hoan vi phạm pháp luật và phải chấp hành án, nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Chị Nhị thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, xác định tình cảm của mình với anh Hoan không còn. Chị Nhị xin ly hôn, anh Hoan cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. *Về con chung*:

Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị T, sinh ngày 25/8/1995 và Phạm Quang H, sinh ngày 11/6/2002.

Chị Nhị có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh Hoan phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Hải là nguyện vọng muốn được ở với mẹ và tại bản tự khai của anh Hoan cũng đồng ý cho chị Nhị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung.

Tại phiên tòa chị Nhị có nguyện vọng muốn được nuôi con chung. HĐXX xét thấy nguyện vọng của cháu Hải và chị Nhị là đúng quy định của pháp luật, cho nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Nhị và giao con chung cho chị Nhị trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về tài sản*:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*:

Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nhị phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Nhị đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003125 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Vì các lẽ trên,,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nhị, giao con chung là Phạm Quang H, sinh ngày 11/6/2002 cho chị Nhị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Hoan không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nhị phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Nhị đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003125 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã P, H ĐB;
- Lưu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương

